

GIAO THƯƠNG GIỮA VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM VỚI CÁC CẢNG MIỀN NAM TRUNG HOA THẾ KỶ X - XIV

DƯƠNG VĂN HUY*

Trong lịch sử, từ rất sớm các thương cảng khu vực miền Bắc Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong những hoạt động thương mại của các tuyến giao thương với các cảng thị vùng Đông Nam Trung Quốc. Sự phát triển của những quan hệ giao thương giữa hai khu vực không chỉ góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội Đại Việt mà còn đưa đến một cái nhìn toàn diện nền thương mại đất nước nhất là thời gian từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV. Bài viết góp phần khẳng định tính liên tục và hoạt động mạnh mẽ trong hoạt động giao thương mậu dịch giữa vùng thương cảng Đông Bắc của Tổ quốc ta với các vùng Đông Nam Trung Quốc. Các hoạt động đó là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế độc lập, tự chủ của Đại Việt.

Chúng ta biết rằng, các triều đại Đường, Tống, Nguyên, đầu Minh quy định Quảng Châu là cảng khẩu quan trọng nhất vùng biển phía Nam của Trung Quốc. Các hoạt động buôn bán chủ yếu diễn ra ở cảng thị này. Các hoạt động thương mại quan phương và phi quan

phương của các nước với Trung Hoa chủ yếu là thông qua thương cảng Quảng Châu. Cùng với Quảng Châu, gần với Đại Việt còn có những thương cảng khác rất quan trọng trong hoạt động mậu dịch với Trung Quốc là Khâm Châu và một số cảng nhỏ khác.

Với tư cách là cửa ngõ của các tuyến hải thương khu vực, nên thương thuyền của các nước chủ yếu tập trung ở vùng duyên hải Đông Bắc, mà Vân Đồn là chính yếu nhất. Vào thời kỳ nhà Lý, do vấn đề an ninh quốc gia chính quyền trung ương đưa ra một số biện pháp ngăn cản con buôn nước ngoài, chủ yếu là những thương nhân Trung Quốc vào đất liền, sợ chúng dò xét tình hình trong nước. Do vậy, chính quyền Thăng Long chỉ cho phép thuyền buôn nước ngoài vào buôn bán trên thuyền hay trên các đảo. Sách *Đạo di chí lược* của Uông Đại Uyên (đời Nguyên) chép rằng: "*Thuyền buôn không đến buôn bán ở đất ấy (chỉ trong đất liền) chỉ buôn bán lên mà thôi. Thuyền chỉ lên xuống vùng Đoạn Sơn, không được ghé vào đất liền, sợ người ta*

* Ths. Dương Văn Huy, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

dò thấy hư thực của nước đó". Thời kỳ nhà Trần, việc buôn bán lên lút với thương nhân nước ngoài, nhất là với thương nhân Trung Quốc diễn ra mạnh mẽ và thường xuyên. Năm 1349, triều đình đã đặt ra nghiêm lệnh: *Những người buôn lậu, tự ý giao tiếp với thương nhân nước ngoài (chủ yếu là thương nhân Trung Hoa) đều bị trừng phạt*. Sở dĩ nhà nước kiểm soát chặt chẽ các hoạt động buôn bán đó chủ yếu là do có phần cảnh giác với phương Bắc. Cho nên, cùng năm nhà Trần *"đặt Quan trấn, Quan lộ và Sát hải xứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình hải để trấn giữ"*. Toàn thư cũng cho biết thêm *"Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì vào các cửa biển Tha, Viên ở châu Diên. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn, cho nên có lệnh này"*⁽¹⁾.

Chúng ta biết rằng, vào thời Trần mối quan hệ giữa các nước trong khu vực khá thường xuyên, nhất là sự tham gia của các thương thuyền Trung Hoa. Năm 1349, *"Mùa xuân tháng 3, thuyền buôn phương Bắc đến dâng bát Diêu biển"*⁽²⁾. Theo như các cuộc điều tra khai quật khảo cổ học ở một số địa điểm ở Vân Đồn, đã phát hiện nhiều gốm sứ Trung Quốc cho chúng ta một giả thiết về sự buôn bán tập nập ở hệ thống thương cảng này, hoặc cũng có thể đó là điểm tập trung hàng hóa để chuẩn bị nhập khẩu vào Việt Nam bởi các thương nhân và thuyền buôn Trung Hoa. Ngoài những hiện vật gốm sứ các đời Minh (1368- 1644), Thanh (1644 - 1911) tìm được trong các chuyến khảo sát, thì việc tìm được lượng lớn gốm sứ cao cấp thời Nguyên cho chúng ta thấy mối quan hệ

mật thiết của nước ta thời Trần với trung tâm sản xuất gốm sứ nổi tiếng Trung Quốc. Quan hệ này có thể thực hiện chủ yếu thông qua vai trò những Hoa thương.

Cùng với hệ thống thương cảng Đồn, cảng Vạn Ninh có một vị trí đặc quan trọng. Đây là bến cảng thuộc Vạn Ninh. Như các nguồn sử liệu đã chép lại, Vạn Ninh cũng là một điểm dịch quốc tế của Việt Nam được thành lập từ triều Lý. Thương cảng Vạn Ninh gần với biên giới tự nhiên giữa Việt - Trung Quốc. Theo những đợt khảo cổ ở đây xuất hiện nhiều sành sứ của Nam và gốm sứ Trung Quốc tập trung các thế kỷ XII - XVI, và theo như ghi chép của thư tịch cổ về thương cảng Vạn Ninh. Điều này đã cho thấy không chỉ là một vị trí giao thương trọng giữa giao thương trong nước và khu vực Đông Nam Trung Quốc, mà quan trọng đối với khu vực biên phía Đông Bắc của Tổ quốc. Tư liệu chép về những hoạt động thương mại Việt Nam và Trung Quốc qua những điểm thương mại này không nhiều, ở những vùng này chủ yếu là những động mang tính biên mậu và mậu thương xuyên, và chủ yếu là những bán tư nhân. Và, đây cũng là một thương mại tiên tiêu cho những hoạt động trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam trước khi những hàng hóa được đưa vào sâu trong đất liền của Nam hoặc đưa sang Trung Quốc.

Chúng ta biết rằng, thời kỳ nhà Trần Đại Việt là một điểm đến thực quan trọng của Trung Quốc. Tuy (

khỏi sự cai trị phương Bắc nhưng những quan hệ kinh tế thương mại vẫn diễn ra sôi nổi. Theo như ghi chép của thư tịch cổ thì “sau khi Lĩnh Nam yên bình, Giao Chỉ mỗi năm vào cống, buôn bán qua lại giữa hai bên. Và thương nhân buôn bán trên biển dần dần xuất hiện nhiều thuyền buôn, buôn bán với nước ngoài”⁽³⁾. Như vậy, giữa Tống và Đại Việt đã có buôn bán quan phương với nhau, đồng thời mâu thuẫn dân gian của các tư thương cũng không sôi nổi không kém, nhất là những buôn bán trên biển giữa vùng Quảng Đông với vùng duyên hải Đông Bắc cũng như giữa Quảng Tây, Vân Nam với vùng biên giới Đại Việt. Việc buôn bán quan phương (nhất là thương mại triều cống) giữa Đại Việt và nhà Tống vô cùng sôi nổi, theo như thống kê các ghi chép của *Tống Hội yếu*, *Tống Sử* thì thời nhà Tống các sứ đoàn triều cống mà Giao Chỉ phái đến nhà Tống là hơn 50 lần. Tuy nhiên, *Triệu Nhĩ Thích* cho biết Giao Chỉ “năm nào cũng tiến cống” nhà Tống, e rằng số lần tiến cống vượt qua con số này. Trong các nước triều cống ở phương Nam thì Đại Việt là nước cử sứ bộ đến nhà Tống đều đặn nhất (ít nhất lần 12 lần 1 năm). Phần lớn các sứ đoàn đến Trung Quốc bằng đường biển. Họ đến Khâm Châu hoặc Liêm Châu nhưng đôi khi cũng đến Ung Châu qua đường bộ. Các sứ đoàn triều cống của Giao Chỉ mang theo các cống phẩm bao gồm hương liệu, dược liệu, trân châu, đồi mồi, tê giác, voi, ngà voi, sừng tê, quỳên, lụa, vải, đồ vàng bạc và cả một số đồ thủ công mỹ nghệ. Trong đó, những ghi chép của 41 lần sứ bộ Giao Chỉ đến nhà Tống chỉ ra rằng sừng tê, ngà voi được gửi sang 18

lần, lụa 11 lần, gỗ thơm (hương mộc, hương trầm) 9 lần, đồ vàng bạc 16 lần, voi được thuần dưỡng 18 lần⁽⁴⁾. Nhà Tống ban thưởng lại những thứ như vàng, bạc, đồ đồng, tiền đồng và cả đồ tơ lụa và trị giá cao hơn trị giá cống phẩm mang đến. Chẳng hạn, trị giá hàng hóa đưa đến năm 1022 ước đạt 1.628 xâu tiền. Sau đó vua Tống trao lại cho Đại Việt 2.000 xâu tiền. Năm 1028, phái bộ đem lượng quà trị giá tương đương 3.000 xâu tiền nhưng đã nhận được số lượng tặng vật trị giá 4.000 xâu tiền. Thời Nam Tống (1127 - 1279), trị giá cống phẩm của mỗi sứ bộ thường được dự đoán là hơn 10.000 xâu tiền. Số hàng hóa sứ bộ Đại Việt năm 1173 dù đã được biết là ít hơn lần cống năm 1155, vẫn được dự đoán là từ 20.000 đến 30.000 xâu tiền. Điều đặc biệt quan trọng của sứ bộ năm 1155 là số lượng vàng mà họ mang theo ít nhất là 1.000 lạng. Một số lượng như thế chắc hẳn phải làm vừa lòng triều đình, bởi vì tổng sản lượng vàng của Trung Quốc chỉ vào khoảng 15.000 lạng mỗi năm trong thời kỳ 1049 - 1054 và 6.000 mỗi năm 1064 - 1067⁽⁵⁾. Trên thực tế thì các con số còn lớn hơn nhiều.

Vào thời Nhân Tông Càn Hưng nguyên niên (1022) “*Tam Ty* cho biết, các cống phẩm Giao Châu sứ là Lý Khoan Thái tiến cống gồm nển trắng, tử khoáng, đồi mồi, bình hương... theo tính toán của con buôn thì tổng khoảng 1682 quan tiền, ban thưởng lại là 2000 quan, lấy những hàng hóa giá trị để vỗ về kẻ ở xa... tháng 3 năm thứ 6, *Tam Ty* lại nói kho chứa hương liệu hàng hóa sứ Giao Châu tiến cống ước tính những thứ hương được nộp bán trị giá tiền 3600 quan, ban thưởng lại là 4000

quan"⁽⁶⁾. ở thương cảng Quảng Châu, "sứ Giao Châu trên đường ra đô phủ, thường thường buôn bán, dừng lại nhiều nơi coi nhẹ pháp luật, làm náo động gây phiền cho làng xóm"⁽⁷⁾, hiện tượng buôn bán riêng tư của các sứ đoàn triều cống này xảy ra rất thường xuyên và dường như là những hoạt động kinh tế chính của các phái đoàn này.

Các sứ đoàn triều cống ngoài việc tiến hành mậu dịch quan phương với triều đình nhà Tống ra, họ còn mang theo rất nhiều hàng hóa riêng để buôn bán với dân gian và gọi đó là "tư dịch", chẳng hạn như năm Gia Hộ thứ 2 (1057), "Giao Chỉ lấy danh nghĩa là cống lân, ôm riêng hàng hóa mang theo không ít. Kinh qua châu huyện, bến tiến sai dịch mang vác đến nghìn người để đến kinh sư"⁽⁸⁾. Thương nhân nhà Tống cũng đến Đại Việt buôn bán nhiều, chính quyền Đại Việt tỏ ra hoan nghênh đối với thương nhân Tống, tìm các cách để tạo điều kiện cho họ đến buôn bán. Lúc đó thương nhân kinh doanh với giao chỉ phần nhiều là thương nhân Phúc Kiến, chính quyền Đại Việt đối với "những người Mân mang theo thuyền đi biển, tất hậu đãi họ, quan vãng mệnh, bàn bạc để quyết sự"⁽⁹⁾, bởi vì thương nhân Phúc Kiến đến Đại Việt tấp nập không dứt, quan hệ mậu dịch giữa hai bên không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, trong mối quan hệ kinh tế đó, do một số lĩnh vực kinh tế Đại Việt lúc đó còn có phần kém phát triển nên đã phải nhập khẩu nhiều hàng hóa đòi hỏi kỹ thuật chế tác cao và điêu luyện của Trung Quốc. Trước nhu cầu và yêu cầu của Đại Việt, cuối cùng chính quyền Tống cũng đã

đồng ý cho mở Bạc dịch trường ở biên giới vùng Quảng Tây là Khâm và Thủy Bình Trại ở Ung Châu, cung ứng hàng hóa giữa hai bên. Sách *Tục tư trị thông giám trường biên* Lý Đào người đời Nam Tống biên chép: "tháng 6 năm Giáp tý, niên hiệu Trung Tường Phù thứ 5 Tống Chân (1012), chuyển vận sứ của lộ Quảng Tây tâu rằng: Lý Công Uẩn ở Giao Chỉ xin được đưa người và thuyền đến Ung Châu để buôn bán, Vua [Tống Chân Tông] dân vùng biển luôn sợ Giao Châu lấn, theo lệnh chỉ được lập chợ giao tại Khâm Châu và trấn Như Hồng. Vùng ven biển có cửa ải hiểm yếu, nên cho đi sâu vào nội địa, e rằng có điều tiện. Lệnh cho bọn ty phải cẩn thận thủ theo quy định cũ"⁽¹⁰⁾. Chính sách vương triều Tống vào thế kỷ XI - XII cho phép thương nhân nước ngoài, nhất là thương nhân Đại Việt được trao đổi hàng hóa tại những địa điểm do triều đình chỉ định và chịu sự kiểm soát của chính quyền địa phương. Theo như sự ghi chép của thu tịch cổ thì đương thời đã xuất hiện những trung tâm buôn bán lớn - "Bạc dịch trường" dọc biên giới Việt - Trung. Bạc dịch trường được lập ra tại Thủy Bình, châu Tô Mật, trại Hoàn Sơn và Như Hồng ở Khâm Châu. Hơn 100 năm trước kể từ khi Lý Thái Tổ đặt quốc gia vào biên giới Việt - Trung, chính quyền Tống đã cho mở thêm một Bạc

trường buôn bán tại vùng Ung Châu.

Buôn bán trên biển vùng vùng biên giới vô cùng sôi nổi, các thương nhân Giao Chỉ mang đến đó các loại hàng hóa như vàng bạc, đồng thau, hương liệu, châu ngọc, tham dự vào hoạt động thương mại này có phú thương và sứ thần. Các "tiểu thương buôn bán gân" của triều Tống cũng mang hàng hóa đến như giấy, bút lông, gạo, vải để trao đổi cũng có phú thương "từ Thục mua gấm đến Khâm, từ Khâm mua hương liệu đến Thục", "mỗi năm đi lại một lần, mỗi Bạc dịch trường hoạt động đến con số hàng nghìn râu tiền"⁽¹¹⁾. Các thuyền buôn Giao Chỉ đến Khâm Châu "buôn bán không ngớt", và đây vẫn là một trong những cảng khẩu quan trọng nhất của Quảng Tây trong buôn bán với Đại Việt. Cảng thị Khâm Châu nằm ở bờ Tây trên tuyến bờ biển của Trung Quốc, Do duyên hải nông, đá ngầm nhiều, đường biển tương đối nguy hiểm, cản trở cảng này trở thành một cảng lớn. Nhưng Khâm Châu và Đại Việt nối liền nhau theo đường biển, nên sự qua lại giữa hai bên hết sức tấp nập, mà vùng kinh tế nội địa bao quanh nó để đảm bảo cho nguồn hàng giao thương lại vô cùng rộng lớn, và lại có thể kết nối được với vùng Tây Nam rộng lớn với nhiều hàng hóa quý có giá trị thương mại. Đặc biệt là nằm trong vùng kinh tế tương đối phát đạt, lại gần bồn địa Tứ Xuyên với sản vật phong phú, do vậy, đã trở thành một cảng khẩu quan trọng trong mậu dịch với Đại Việt, "phàm có người Giao Chỉ sinh sống đều hướng về Khâm Châu", nên "thuyền mái chèo qua lại không ngớt", ngoài những sản phẩm địa phương, các sản phẩm dật nổi tiếng

của Tứ Xuyên cũng tập trung nhiều ở đây. Ngoài những thương nhân địa phương buôn bán nhỏ cũng có các thương nhân lớn ở Tứ Xuyên đến, "duy chỉ phú thương từ Thục mua gấm đến Khâm Châu, từ Khâm Châu mua các loại hương mộc đến Thục. Mỗi năm buôn bán qua lại mỗi Bạc dịch trường có số hàng nghìn râu"⁽¹²⁾. Mặt khác, cũng theo như Lý Đào chép thì "tháng 12, Quý Mùi năm thứ 2 niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1009), Lê Chí Trung ở Giao Châu sai sứ đến cống, dâng một con tê giác đã được thuần dưỡng... Lại xin được lập chợ giao dịch tại Ung Châu, viên chuyển vận sứ ở đạo đó [Quảng Tây] dâng biểu cho vua biết, Vua [Tống Chân Tông] nói: Dân vùng biển đã nhiều lần khôn khổ vì giặc xâm lấn của Giao Châu, theo trước chỉ cho lập chợ tại Liêm Châu và trấn Như Hồng, đại khái đây là nơi hiểm yếu của biên cương. Nay trực tiếp vào trấn nội địa e rằng bất tiện. Lệnh cho Đạo đó [Quảng Tây] theo quy chế cũ mà truyền bảo"⁽¹³⁾.

Tại các Bạc dịch trường buôn bán giữa hai bên rất tấp nập, "người Giao Chỉ đem các hàng hóa như hương thơm, ngà voi, sừng tê, vàng bạc, muối, tiền đổi lấy các loại như tơ, lụa, vải bông. Những người đến trại Vinh Bình đều là người Giao Chỉ ở các khe, động đi theo đường bộ. Những hàng hóa họ mang theo đều quý, nhỏ nhẹ, chỉ có muối là nặng. Đường nhiên muối chỉ có thể đổi lấy vải thôi, Muối đóng 25 cân thành một sọt. Vải sản xuất nhiều ở huyện Vũ Duyên, Ung Châu, khổ hẹp"⁽¹⁴⁾. Các thương nhân hai nước đến buôn bán tại Bạc dịch trường thường đi theo đường bộ, đường thủy và cả đường biển. Dân

thiếu số các vùng khe, động phần lớn đi bộ và theo đường bộ tới. Nhiều thuyền buôn nhỏ tập trung tiến hành trao đổi mua bán tại các Bạc dịch trường ở Khâm Châu “*dân Giao Chỉ tập trung đều dựa vào Khâm Châu, thuyền qua lại không ngớt, Bạc dịch trường ở trạm Giang Đông Đông phía ngoài thành*”⁽¹⁵⁾.

Cùng với lúa gạo, vải... các nguồn hải sản và muối không ngừng được chợ lên phía Quảng Tây và Vân Nam cả bằng tuyến sông, biển và bộ. Song song với phương pháp làm muối bằng việc phơi nắng ngoài ruộng thì người Giao Chỉ cũng đã biết kỹ thuật nấu muối. Trong *An Nam chí lược*, Lê Tác cũng đã mô tả về cách nấu muối của cư dân vùng Đông Bắc: “*nấu nước biển lấy muối trắng như tuyết. Dân biên thủy qua phục dịch ở An Nam, đều vì nguồn lợi muối và sắt*”⁽¹⁶⁾. Theo như *Man thư* của Phan Xước thời Đường (618 - 907) các tộc người vùng Diên, Nam Chiếu, Đại Lý thường bán trâu, ngựa cho An Nam để đổi lấy muối. Nhu cầu tiêu dùng của thị trường Trung Quốc nói chung và đặc biệt là vùng Tây Nam rất lớn. Cho đến thế kỷ XVIII, chỉ riêng phủ Trấn An của Quảng Tây mỗi năm cũng đã cần tới hơn 1.000 bao muối. Muối của Đại Việt thường được đi đem đến bán và đổi lấy ngựa của vùng Tây Nam Trung Quốc. Trong *Lĩnh ngoại đại đáp* có chép rằng “*Phiên bán ngựa cho chính quyền hàng năm để trao đổi lại hàng hóa, muối và bò, nhược điểm là họ làm ngăn chặn lộ trình buôn bán ngựa*”⁽¹⁷⁾. Điều thú vị là chính quyền trung ương không trực tiếp quản lý những nơi sản xuất muối này. *Việt sử lược* cho biết rằng cuối năm 1206, một phần lớn

vùng duyên hải được cai trị bởi các lãnh địa phương, chẳng hạn như hai vùng sản xuất muối quan trọng là Đằng Châu và Khoái Châu (thuộc hưng Yên nay) được đặt dưới sự quản lý của các lãnh địa phương hơn là các vua Lý. Tầm quan trọng của John K. Whitmore về những chướng ngại vật giữa vùng thượng châu thổ và hạ châu thổ của Việt chỉ được tháo bỏ năm 1220 như quả của nỗ lực chung giữa nhà Lý và những người kế tục họ - vương triều Trần (1225 - 1400) và nó là lần đầu tiên trong lịch sử hai vùng cùng mang hiệu quả của nhau⁽¹⁸⁾. Buôn bán ngựa là một mắt xích kết nối vùng núi và vùng biển tạo nên liên kết những vùng này và là một phần quan trọng cấu thành kinh tế Đại Việt.

Những ví dụ trên đây cung cấp cho chúng ta một đặc điểm lớn của Giao Chỉ vai trò như một cảng thị quốc tế. Như đã chép trên, Giao Châu và Quảng Châu hai trung tâm buôn bán lớn thời Đường nhưng những gì khác nhau giữa hai vùng này dễ hiểu hơn bởi vị trí địa lý và ngành hàng cung cấp cho các thương cảng này cũng như sự thu hút với thế giới bên ngoài. Trong khi Quảng Châu phần lớn tiến hành buôn bán từ phía biển thì Giao Châu thiết lập buôn bán từ phía núi đất liền, nó kết nối với Khmer, Chăm Lào và Vân Nam. Đây là điều kiện thuận lợi tạo được là nhờ mối liên hệ mật thiết của sông - biển, trong đó miền Trung Việt Nam giữ vị trí quan trọng. Hệ quả tất yếu là, hàng hóa Giao Chỉ trong những thế kỷ này khá nổi tiếng, mặc dù nó không hề hữu những sản phẩm sản xuất ở địa phương của mình, như được nhấn m

bởi danh sách cống phẩm từ Ngưu Hống (quanh tỉnh Yên Châu, Sơn La ngày nay) và Ai Lao (Lào ngày nay) đến Đại Việt năm 1067: “vàng, bạc, dầu thơm, sừng tê giác và ngà voi”.

Chính sự khác nhau của Giao Châu và Quảng Châu về nguồn hàng thương mại đã gắn kết một cách rất hiển nhiên hai khu vực này bởi những nguồn hàng này bổ sung cho thị trường của nhau và yếu tố hợp tác nhiều hơn yếu tố cạnh tranh. Những hàng hóa quý hiếm từ vùng rừng bển đã thu hút những thương nhân ở Quảng Châu mang hàng hóa thủ công mỹ nghệ kỹ thuật cao đến để trao đổi do nhu cầu tiêu thụ từ cả hai phía. Đồng thời với vị trí địa kinh tế vô cùng quan trọng trong buôn bán với Trung Quốc, nhất là tuyến thương mại quốc tế xuất phát từ các cảng phía duyên hải Đông Nam Trung Quốc mà đầu mối quan trọng nhất là Quảng Châu. Cho nên, người Việt chắc chắn khai thác triệt để vị trí trung gian của mình giữa các quốc gia hải đảo và Trung Quốc. Một trong những sản phẩm của Đại Việt vào thế kỷ XIII là vòng xuyên tâm hương thơm. Để làm những vòng xuyên này, người Việt sẽ trộn bột thơm với bùn, khuôn đất sét vào chuỗi và sợi dây với quần áo bằng lụa, và chúng được mua từ các thương nhân Tây và Nam Á. Sau đó, những chuỗi này được mang đến Trung Quốc để bán và được báo cáo lại là rất phổ biến với phụ nữ ở đây⁽¹⁹⁾. Hơn nữa, nếu chúng ta liên tưởng đến thế kỷ XV, đường sông là kết nối chính của kinh đô của Đại Việt với người Hoa ở vùng duyên hải qua sông Bạch Đằng (sau này là một nhánh chính của sông Hồng, ngày nay là nhánh

chính kết nối Nam Định và Thái Bình), và chúng ta thấy Vân Đồn là tuyến giao thông chính ngày nay. Nó đã phát triển trong thời kỳ đầu cách mạng thương mại của Trung Quốc dưới thời Tống, và được xác định là trung tâm buôn bán của vùng vịnh Bắc Bộ giữa Hải Nam và Khâm Châu, là địa điểm hay lui tới của thương nhân Phúc Kiến, Chăm và thương nhân Hồi giáo⁽²⁰⁾.

Cho dù những buôn bán chính thức có bị hạn chế về số lượng nhưng nhịp độ buôn bán ngoài khuôn khổ sứ bộ thậm chí còn có xu hướng vượt trội hoạt động buôn bán của phái bộ. Mô tả sau đây tại Khâm Châu là một ví dụ cho mức độ của hoạt động này khó mà cân bằng được thông qua trao đổi quà cáp cùng với những ban tặng ngoại giao: “Giao chỉ dựa vào Khâm Châu cung cấp tất cả những thứ cần thiết, vì thế thương thuyền đi lại không bao giờ ngừng nghỉ... Những người trao đổi cá hoặc các loại tôm, cua, sò, hến để lấy gạo và vải vóc gọi là Giao Chỉ hải nhân... những thương nhân giàu có đến buôn bán được gọi là “tiểu đội”, các phái đoàn triều cống Giao Chỉ đi Khâm Châu, nơi họ có cơ hội buôn bán được gọi là “đại đội”. Những thứ được mang đến [qua các sứ bộ và thương nhân] là vàng, bạc, tiền đồng, gỗ lõi hội (quang hương, thực hương, lõi hương), ngọc trai, ngà voi và sừng tê. Gần đây những thương nhân nhỏ của chúng ta (Hoa thương) bán hạt tiêu, bút lông, gạo và vải vóc. Hàng ngày họ buôn bán nhỏ với người Giao Chỉ, nhưng nó không đáng để đề cập. Chỉ những thương nhân giàu có đến từ Tứ Xuyên mỗi một năm một lần để trao đổi ngang vải lụa thêu văn nổi lấy

hương mộc Giao Chỉ, mỗi lần trao đổi trị giá hàng ngàn râu tiền"⁽²¹⁾.

Thời kỳ thế kỷ nửa cuối XIII và XIV, quan hệ giao thương hai bên quan hệ rất mật thiết, nối tiếp những những hoạt động thương mại nhộn nhịp được xây dựng từ thời thời kỳ trước. Thời kỳ này, những hoạt động mậu dịch giữa người Nguyên và người Giao Chỉ không ngừng. Nhưng Giao Chỉ (khi đó là Đại Việt) nhà Trần đã thực hiện chính sách hạn chế những thương nhân người Nguyên đến Giao Chỉ buôn bán, và quy định: "*không được phép đến kinh thành, sợ rằng người Trung Quốc thăm dò trộm thực hư của nước này*", nhưng mậu dịch dân gian thì lại hoạt động sôi nổi triều đình không thể ngăn cản nổi, "*thuyền buôn bán trộm qua lại không ngừng*"⁽²²⁾. Vùng đảo Vân Đồn là cảng đến chủ yếu của thương nhân nhà Nguyên, theo như tài liệu ghi chép thì Hoàng Hoa phủ "*đi Giao Châu thành hơn 200 dặm, là nơi thuyền buôn các nước phiên tụ hội, buôn bán tập nập trên thuyền*"⁽²³⁾. Thương nhân người Nguyên vận chuyển đến "*các loại linh màu vải lọc cuộn, vải xanh, lượng ngà voi, giấy ép, đồng thau, sắt*", từ Giao Chỉ vận chuyển đến nhà Nguyên các loại hàng hóa như vàng sa khoáng, bạc trắng, đồng, thiếc, chì, ngà voi, đuôi trĩ, nhục quế, cau⁽²⁴⁾.

Thời kỳ này, kinh tế Đại Việt có những tiến triển mới, sự phát triển của một số ngành thủ công đã tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển. Nhà Trần đã có những biện pháp khuyến khích thủ công nghiệp và thương nghiệp, hệ thống chợ mọc lên khắp nơi, họp đều kỳ, kinh thành Thăng Long có 61 phường buôn bán tập nập,

nhộn nhịp cả ngày đêm. Vân Đồn vẫn điểm giao thương quốc tế, trao đổi hàng hóa giữa Đại Việt và các nước khác ở Đông Nam Á và Đông Á, chủ yếu nhất là nhu cầu thương nhân đến từ Trung Quốc. Cùng sự tiến triển của công thương nghiệp, Đại Việt cũng xuất hiện nhiều phú thương số tài sản lớn. Vì vậy, nhà Trần cũng đã cho một số công chúa cho các thương nhân giàu có. Thời Trần Dụ Tông (cq: 1361-1369), vua Trần còn cho các nhà buôn vào cung đánh bạc. *Toàn thư* có chép: "*cho gọi các nhà giàu trong nước như Đĩnh Bảng, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai cung đánh bạc làm vui. Có tiếng bạc tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan*"⁽²⁵⁾. Điều đáng chú ý là, trước và sau ba cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên diễn ra vào nửa cuối thế kỷ XIII, quan hệ kinh tế với các quốc gia trong khu vực trong đó có Trung Quốc, vẫn được tiếp tục. Khu vực Vạn Ninh và khu di chỉ Cổ Tây, Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh, các khảo cổ học và sử học đã phát hiện có nhiều hiện vật gốm sứ Trung Quốc, trong đó có sứ Nguyên cao cấp do lò Long Tu chế tạo, niên đại thế kỷ XIII - XIV. Cuối thời Trần, đầu Lê sơ, quan hệ giữa Đại Việt với các quốc gia khu vực vẫn tiếp diễn ra khá mật thiết. Theo thống kê, quan hệ giữa Đại Việt với các quốc gia khu vực diễn ra khá mật thiết. Theo thống kê *Toàn thư*, so với thời nhà Lý và thời Lê thời Trần là thời kỳ có nhiều sứ bộ Trung Quốc nhất đến nước ta. Cụ thể, số sứ Trung Quốc đến Thăng Long thời Lý là 36 lần, thời Trần 36 lần, thời Lê là 30 lần

3. Một vài nhận xét và kết luận

Vào thời kỳ Lý - Trần, hoạt động mậu dịch giữa khu vực Đông Bắc với khu vực Đông Nam Trung Hoa chủ yếu là những tuyến buôn trực tiếp với những quy mô và mức độ khác nhau. Cùng với các hoạt động buôn bán quan phương còn có hoạt động thương mại triều cống và nhiều hoạt động mậu dịch mang tính phi quan phương như là nhân tố hàng xuyên trong hoạt động giao thương quốc tế. Đến thế kỷ XVI - XVII, cùng với sự phát triển mậu dịch khu vực và thế giới, phạm vi thương mại của hai khu vực này đã được mở rộng và trở thành khu vực quan trọng trong hoạt động thương mại khu vực nhất là những tuyến thương mại giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Mạng lưới thương mại được kết nối mang tính liên vùng và liên khu vực, nhưng trọng tâm của Đại Việt vẫn là khu vực Đông Bắc và vùng trung tâm nội trấn Thăng Long, Phố Hiến. Sự biến đổi đó đã khiến cho tốc độ luân chuyển hàng hóa giữa các vùng và quốc gia diễn ra mạnh hơn. Nền kinh tế khu vực bắt đầu hoà nhập vào một số thị trường kinh tế lớn./

CHÚ THÍCH

- 1, 2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, tr. 328, 131.
3. *Tống Sử*, Q. 386, *Trương Tôn truyện*, Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 1977, tr 9222.
- 4, 5. Xem thêm Momoki Shiro, *Đại Việt và thương mại ở Biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Đông Á, Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại, Nxb. Thế Giới, 2004, tr. 313, 314, 315.
6. *Tổng Hội yếu biên khảo*, Phiên di tứ chi tam nhĩ.
7. Vương Anh Thân, *Văn định tập*, Q.23.
8. *Lịch đại danh thần phụng nghĩa*, Q.301, diệt tướng.
9. Phạm Thành Đại, *Quế hải ngô hằng chí*.
10. Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, Q 78.
- 11, 12, 14, 15, 21. Chu Khứ Phi, *Linh Ngoại đại đáp*, Q.5
13. Lý Đào, *Tục tư trị thông giám trường biên*, Q. 72.
16. Lê Tác, *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa, 2002, tr .278.
17. Chu Khứ Phi, *Linh ngoại đại đáp*, Q.10 (Man sử).
18. John K. Whitmore, "The Rise of the Coast: Trade, State and Culture IN Early Đại Việt, *Journal of Southeast Studies*, Cambridge University Press, Vol 37, No 1, 11/2006.
19. Fan, *Guihai yuheng zhi*, p. 10, xem trong Li Tana, *A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast, Journal of Southeast Asian Studies*, 37 (1), pp 83-102 February 2006. Printed in the United Kingdom. The National University of Singapore, pp 91, 92, 93.
20. Xem thêm Li Tana, *A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast, Journal of Southeast Asian Studies*, 37 (1), pp 83-102 February 2006. Printed in the United Kingdom. The National University of Singapore, pp 96.
- 22, 24. Ưng Đại Uyên: *Đào di chí lược-Giao Chỉ*, Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 2000, tr 51.
23. Trần Cương Trung thi tập, Q.2, *Giao Châu khảo - An Nam kí sự*.
25. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993, tr 141.
26. Xem thêm Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng, *Truyền thống và hoạt động thương mại của người Việt: thực tế lịch sử và nhận thức*, trong: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI - XVII, Nxb. Thế Giới, 2007, tr. 332, 333.